

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Ne, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6101177237 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Kon Tum (nay là Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi) cấp lần đầu ngày 21/05/2014, thay đổi các lần và lần 12 (mười hai) ngày 08/06/2026 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 12 (mười hai) ngày 08/06/2026 là 284.904.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm tám mươi bốn tỷ, chín trăm lẻ bốn triệu đồng*).

Công ty đang quản lý và vận hành 2 dự án Nhà máy thủy điện bao gồm: Nhà máy thủy điện Đắk Ne theo Giấy chứng nhận đầu tư số 38121000013 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 29/4/2008, đăng ký thay đổi các lần và điều chỉnh lần thứ 5 ngày 10/12/2021, quy mô công suất 8,1 MW, thời gian thực hiện dự án là 49 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu và Nhà máy thủy điện Tà Vi theo Giấy chứng nhận đầu tư số 5200631540 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 11/05/2008, đăng ký thay đổi các lần và điều chỉnh lần thứ 6 ngày 14/10/2020, quy mô công suất 3 MW, thời gian thực hiện dự án là 50 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: TRUONG THINH ENERGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán TTE.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 507 Duy Tân, phường Đắk Cấm, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt kỳ báo cáo và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phương Thừa Vũ	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Huy Cường	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 30/05/2026)
Ông Trần Văn	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 30/05/2026)
Bà Lê Thị Thu Hường	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 30/05/2026)
Ông Trần Văn Hải	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 30/05/2026)
Ông Đinh Xuân Hoàng	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 30/05/2026)

Ban Kiểm soát

Ông Hoàng Minh Sang	Trưởng ban
Bà Lê Thị Hạnh	Thành viên
Bà Phạm Thị Ngân	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Huy Cường	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 03/06/2026)
Ông Đinh Xuân Hoàng	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 03/06/2026)
Ông Nguyễn Văn Quân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lương Hồng Phong	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 19/01/2026)
Ông Hoàng Hữu Điền	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 08/05/2026)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Huy Cường
Tổng Giám đốc
Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh, được lập ngày 28 tháng 8 năm 2026, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, tại ngày 30/06/2026 các khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 88,71 tỷ VND (tại ngày 31/12/2025 là 96,03 tỷ VND). Những điều kiện này, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng hoạt động của Công ty phụ thuộc vào tình hình sản xuất kinh doanh, triển vọng bán điện và sự hỗ trợ nguồn vốn từ các cổ đông.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề trên.



Phan Huy Thắng

Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2023-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+160)	100		10.959.634.834	17.115.515.298
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	5.275.503.628	128.377.642
1. Tiền	111		5.275.503.628	128.377.642
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.552.216.797	16.975.088.058
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	4.083.456.459	15.926.453.700
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	625.260.995	697.287.582
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	5.4	1.378.759.343	886.606.776
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	5.5	(535.260.000)	(535.260.000)
III. Tài sản ngắn hạn khác	160		131.914.409	12.049.598
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.6	131.914.409	12.049.598
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+260+270)	200		512.711.319.681	521.692.136.433
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		34.600.000	34.600.000
1. Phải thu dài hạn khác	215	5.4	34.600.000	34.600.000
II. Tài sản cố định	220		201.042.757.334	209.653.643.847
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	201.042.757.334	209.653.643.847
- Nguyên giá	222		475.799.303.118	475.799.303.118
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(274.756.545.784)	(266.145.659.271)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	260	5.8	310.871.800.694	310.871.800.694
1. Đầu tư vào công ty con	261		234.220.000.000	234.220.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		77.400.000.000	77.400.000.000
3. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(748.199.306)	(748.199.306)
IV. Tài sản dài hạn khác	270		762.161.653	1.132.091.892
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.6	762.161.653	1.132.091.892
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100+200)	280		523.670.954.515	538.807.651.731

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2026	01/01/2026
			VND	VND
C - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		209.059.989.266	227.234.788.018
I. Nợ ngắn hạn	310		99.672.609.266	113.147.408.018
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	3.051.675.766	2.950.065.500
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	80.899.560	80.899.560
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.11	9.611.929.306	10.781.032.527
4. Phải trả người lao động	315		765.243.485	1.284.618.209
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	5.12	3.806.046.850	3.924.990.686
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	5.13	6.666.534.500	1.688.000.000
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	5.14	74.800.000.000	92.400.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		890.279.799	37.801.536
II. Nợ dài hạn	330		109.387.380.000	114.087.380.000
1. Phải trả dài hạn khác	338	5.13	94.487.380.000	94.487.380.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	5.14	14.900.000.000	19.600.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.15	314.610.965.249	311.572.863.713
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		284.904.000.000	284.904.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		284.904.000.000	284.904.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		895.165.549	32.187.286
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		28.811.799.700	26.636.676.427
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	420a		24.910.719.901	(32.991.137.157)
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		3.901.079.799	59.627.813.584
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		523.670.954.515	538.807.651.731

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Vũ Thị Thanh Hà


Hoàng Hữu Điền


Nguyễn Huy Cường



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	27.323.132.052	31.582.860.216
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		27.323.132.052	31.582.860.216
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	12.285.294.821	13.171.730.439
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		15.037.837.231	18.411.129.777
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.3	1.572.799	9.735.692
8. Chi phí tài chính	23	6.4	5.242.657.697	26.946.431.781
Trong đó: Chi phí đi vay	24		5.242.657.697	17.196.246.033
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	4.649.473.470	2.310.897.792
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+21+22-(23+25+26)}	30		5.147.278.863	(10.836.464.104)
12. Thu nhập khác	31	6.6	889	50.000.000
13. Chi phí khác	32	6.6	171.144.002	109.105.688
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(171.143.113)	(59.105.688)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		4.976.135.750	(10.895.569.792)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	1.075.055.951	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		3.901.079.799	(10.895.569.792)

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Vũ Thị Thanh Hà

Hoàng Hữu Điền

Nguyễn Huy Cường



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.976.135.750	(10.895.569.792)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		8.610.886.513	8.500.246.395
- Các khoản dự phòng	03		-	9.750.185.748
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		-	(9.735.692)
- Chi phí đi vay	06		5.242.657.697	17.196.246.033
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		18.829.679.960	24.541.372.692
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		11.422.871.261	(218.396.360)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2.316.610.870	6.070.363.749
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		250.065.428	710.765.401
- Chi phí đi vay đã trả	14		(5.361.601.533)	(17.399.489.869)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(10.500.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		27.447.125.986	13.704.615.613
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	9.735.692
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	9.735.692
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(22.300.000.000)	(21.900.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(22.300.000.000)	(21.900.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		5.147.125.986	(8.185.648.695)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	128.377.642	8.406.771.745
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	5.275.503.628	221.123.050

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Vũ Thị Thanh Hà

Hoàng Hữu Điền

Nguyễn Huy Cường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Ne, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6101177237 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Kon Tum (nay là Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi) cấp lần đầu ngày 21/05/2014, thay đổi các lần và lần 12 (mười hai) ngày 08/06/2026 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 12 (mười hai) ngày 08/06/2026 là 284.904.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm tám mươi bốn tỷ, chín trăm lẻ bốn triệu đồng*).

Công ty đang quản lý và vận hành 2 dự án Nhà máy thủy điện bao gồm: Nhà máy thủy điện Đắk Ne theo Giấy chứng nhận đầu tư số 38121000013 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 29/04/2008, đăng ký thay đổi các lần và điều chỉnh lần thứ 5 ngày 10/12/2021, quy mô công suất 8,1 MW, thời gian thực hiện dự án là 49 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu và Nhà máy thủy điện Tà Vi theo Giấy chứng nhận đầu tư số 5200631540 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 11/05/2008, đăng ký thay đổi các lần và điều chỉnh lần thứ 6 ngày 14/10/2020, quy mô công suất 3 MW, thời gian thực hiện dự án là 50 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: TRUONG THINH ENERGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán TTE.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 507 Duy Tân, phường Đắk Cấm, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các lĩnh vực hoạt động của Công ty gồm:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

Trong kỳ, hoạt động chủ yếu của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính. Thông tư 99/2025/TT-BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2026.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư số 99/2025/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Trường hợp việc áp dụng Thông tư này làm thay đổi cách trình bày Báo cáo tài chính, Công ty thực hiện trình bày lại hoặc phân loại lại số liệu so sánh theo quy định. Do đó, các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2026, Công ty có các công ty con, công ty liên kết, đơn vị trực thuộc sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con					
Công ty TNHH Trung Việt	Quảng Ngãi	Sản xuất điện	98%	98%	98%
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen	Đắk Lắk	Sản xuất điện	43%	43%	43%
Đơn vị trực thuộc					
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại Đà Nẵng	Đà Nẵng				
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại Đà Nẵng	Đà Nẵng				

1.6 Số lượng người lao động tại thời điểm cuối kỳ

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2026 là 55 người (tại ngày 31/12/2025 là 43 người).

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Đây là kỳ kế toán đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 30/06/2026, các khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 88,71 tỷ VND (tại ngày 31/12/2025 là 96,03 tỷ VND). Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng, Công ty hoàn toàn có khả năng tiếp tục hoạt động trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục là phù hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết: Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác theo từng kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác cho phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ; phải thu về thanh lý, nhượng bán tài sản giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán mà không phải đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp). Khoản phải thu này bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như: khoản phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia bằng tiền, các khoản đã chi hộ bên thứ ba, các khoản bên nhận ủy thác xuất nhập khẩu chi hộ cho bên giao ủy thác, các khoản cho mượn tài sản phi tiền tệ, tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý,...

Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập khi có bất kỳ dấu hiệu hoặc bằng chứng nào cho thấy Công ty không có khả năng thu hồi hoặc khó có khả năng thu hồi đối với các khoản nợ phải thu của Công ty theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Phương pháp khấu hao

Thời gian khấu hao và phương pháp khấu hao Tài sản cố định được thực hiện nhất quán và có thể được thay đổi khi có sự thay đổi đáng kể cách thức thu hồi lợi ích kinh tế của Tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

4. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Phương pháp khấu hao (Tiếp theo)

Năm 2021, Dự án Nhà máy Thủy điện Đắk Ne được điều chỉnh thời hạn hoạt động của dự án từ 30 năm lên 49 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu (ngày 29/04/2008) theo Quyết định số 799/QĐ-UBND ngày 28/05/2021 của UBND tỉnh Kon Tum. Theo đó Công ty đã thực hiện điều chỉnh thời gian khấu hao của Nhà máy này để phù hợp với thời gian hoạt động của dự án.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, thời gian khấu hao cụ thể:

Tài sản cố định hữu hình	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 36
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí chờ phân bổ được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí chờ phân bổ dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa lớn được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay của Công ty bao gồm:

- Lãi tiền vay ngắn hạn, lãi tiền vay dài hạn, kể cả lãi tiền vay trên các khoản thấu chi;
- Phần phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội phát sinh liên quan đến những khoản vay do phát hành trái phiếu;
- Phần phân bổ cho các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng kỳ theo từng kế ước vay;
- Chi phí phát hành trái phiếu phải trả cho đơn vị tư vấn và cung cấp dịch vụ quản lý tài sản đảm bảo căn cứ theo hợp đồng đã ký.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán điện

Doanh thu cung cấp điện được ghi nhận dựa trên “Biên bản xác nhận chỉ số công tơ sản lượng điện năng và giá bán điện được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt” hàng tháng với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn chủ yếu bao gồm chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí vận hành, chi phí bảo dưỡng, sửa chữa, chi phí nhân công... được ghi nhận phù hợp với doanh thu thực hiện trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được khi Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng hoạt động chính của Công ty là sản xuất điện và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG
TRƯỜNG THỊNH**

Số 507 Duy Tân, phường Đắk Cấm,
tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH
TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Tiền mặt	10.455.769	17.812.734
Tiền gửi không kỳ hạn (*)	5.265.047.859	110.564.908
Cộng	5.275.503.628	128.377.642

(*) Chi tiết tiền gửi không kỳ hạn:

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Phương Đông	5.048.951.626	46.293.289
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	206.812.168	53.700.932
Đối tượng khác	9.284.065	10.570.687
Cộng	5.265.047.859	110.564.908

5.2 Phải thu của khách hàng

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	4.083.456.459	-	15.926.453.700	-
Tổng Công ty Điện lực miền Trung	4.083.456.459	-	15.926.453.700	-
Cộng	4.083.456.459	-	15.926.453.700	-

5.3 Trả trước người bán

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	625.260.995	(535.260.000)	697.287.582	(535.260.000)
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng 78	535.260.000	(535.260.000)	535.260.000	(535.260.000)
Các đối tượng khác	90.000.995	-	162.027.582	-
Cộng	625.260.995	(535.260.000)	697.287.582	(535.260.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG**TRƯỜNG THỊNH**Số 507 Duy Tân, phường Đắk Cầm,
tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.4 Phải thu khác

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	1.378.759.343	-	886.606.776	-
Tạm ứng	1.378.759.343	-	886.606.776	-
- Ông Hồ Thanh Tiến (*)	1.136.372.554	-	637.873.034	-
- Đối tượng khác	242.386.789	-	248.733.742	-
Dài hạn	34.600.000	-	34.600.000	-
Ký cược, ký quỹ	34.600.000	-	34.600.000	-
Cộng	1.413.359.343	-	921.206.776	-

Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan

1.212.158.275

- 708.658.755

-

(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

(*) Khoản tạm ứng cho cá nhân Ông Hồ Thanh Tiến để phục vụ hoạt động vận hành các nhà máy thủy điện của Công ty.

5.5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Giá trị gốc nợ	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị gốc nợ	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Trả trước cho người bán	535.260.000	(535.260.000)	-	535.260.000	(535.260.000)	-
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng 78 (*)	535.260.000	(535.260.000)	-	535.260.000	(535.260.000)	-
Cộng	535.260.000	(535.260.000)	-	535.260.000	(535.260.000)	-

(*) Khoản tạm ứng 30% giá trị theo Hợp đồng số 05/03/21/HĐTV/TT-78 ký ngày 31/03/2021 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh và Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng 78 về việc Tư vấn khảo sát, lập bổ sung quy hoạch, lập và thỏa thuận đầu nối, lập thiết kế và các thỏa thuận chuyên ngành Công trình chuyển đầu nối thủy điện Đắk Ne. Công trình đã quá thời hạn hoàn thành hơn 4 năm nhưng đến nay vẫn chưa có phương án triển khai.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG**TRƯỜNG THỊNH**Số 507 Duy Tân, phường Đắk Cấm,
tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.6 Chi phí chờ phân bổ

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn	131.914.409	12.049.598
Chi phí bảo hiểm rủi ro nhà máy	128.964.409	-
Công cụ, dụng cụ	-	8.874.995
Chi phí chờ phân bổ khác	2.950.000	3.174.603
Dài hạn	762.161.653	1.132.091.892
Chi phí sửa chữa nhà máy	288.725.434	484.363.767
Công cụ, dụng cụ	224.031.659	254.233.912
Chi phí chờ phân bổ khác	249.404.560	393.494.213
Cộng	894.076.062	1.144.141.490

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Số 507 Duy Tân, phường Đắc Cẩm, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Mẫu số B 09a-DN
Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình					Đơn vị tính: VND	
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng	
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2026	370.609.424.760	100.496.047.269	3.685.550.375	1.008.280.714	475.799.303.118	
Số dư tại 30/06/2026	370.609.424.760	100.496.047.269	3.685.550.375	1.008.280.714	475.799.303.118	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2026	188.018.822.366	73.919.511.673	3.525.615.638	681.709.594	266.145.659.271	
Khấu hao trong kỳ	6.130.019.736	2.343.284.665	64.710.630	72.871.482	8.610.886.513	
Số dư tại 30/06/2026	194.148.842.102	76.262.796.338	3.590.326.268	754.581.076	274.756.545.784	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2026	182.590.602.394	26.576.535.596	159.934.737	326.571.120	209.653.643.847	
Tại 30/06/2026	176.460.582.658	24.233.250.931	95.224.107	253.699.638	201.042.757.334	

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm cho các khoản vay tại ngày 30/06/2026 là: 199.529.022.178 VND (tại ngày 01/01/2026: 209.167.137.990 VND).

Nguyên giá của các TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2026 là: 2.896.984.856 VND (tại ngày 01/01/2026 là: 2.741.237.394 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Danh mục các TSCĐ hữu hình đang hiện hữu trong kỳ có tỷ lệ giá trị từ 10% tổng tài sản cố định hữu hình trở lên:

Tên tài sản	30/06/2026 (VND)				01/01/2026 (VND)			
	Nguyên giá	Giá trị HMLK	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị HMLK	Giá trị còn lại		
Nhà cửa, vật kiến trúc	84.772.756.099	29.994.614.393	54.778.141.706	84.772.756.099	28.415.950.478	56.356.805.621		
Nhà máy thủy điện Tà Vi	285.224.057.661	163.929.726.670	121.294.330.991	285.224.057.661	159.480.472.684	125.743.584.977		
Nhà máy thủy điện Đắk Ne								
Máy móc,thiết bị	81.436.892.459	66.412.537.686	15.024.354.773	81.436.892.459	64.659.474.985	16.777.417.474		
Nhà máy thủy điện Đắk Ne								

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn

Tỷ lệ	30/6/2026 (VND)				01/01/2026 (VND)			
	Vốn	Quyền	Giá trị có thể	Giá trị dự	Giá trị có thể	Giá trị dự		
nắm giữ biểu quyết			thu hồi	phòng	thu hồi	phòng		
Đầu tư vào Công ty con			234.220.000.000	-	234.220.000.000	234.220.000.000	-	-
Công ty TNHH Trung Việt	98,00%	98,00%	234.220.000.000	-	234.220.000.000	234.220.000.000	-	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết			77.400.000.000	76.651.800.694 (748.199.306)	77.400.000.000	76.651.800.694 (748.199.306)		
Công ty Cổ phần đầu tư Thủy điện Đá Đen	43,00%	43,00%	77.400.000.000	76.651.800.694 (748.199.306)	77.400.000.000	76.651.800.694 (748.199.306)		
Cộng			311.620.000.000	310.871.800.694 (748.199.306)	311.620.000.000	310.871.800.694 (748.199.306)		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG**TRƯỜNG THỊNH**Số 507 Duy Tân, phường Đắk Cấm,
tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.9 Phải trả người bán

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn	3.051.675.766	2.950.065.500
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia	2.598.400.000	2.598.400.000
Đài khí tượng Thủy văn tỉnh Kon Tum	306.305.500	306.305.500
Công ty TNHH Công nghệ Cao Nguyên	45.360.000	45.360.000
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Trung	90.810.266	-
Đối tượng khác	10.800.000	-
Cộng	3.051.675.766	2.950.065.500

5.10 Người mua trả tiền trước

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn	80.899.560	80.899.560
Công ty Cổ phần NetZero Carbon	80.899.560	80.899.560
Cộng	80.899.560	80.899.560

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2026	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2026
Thuế giá trị gia tăng	2.155.322.347	2.346.061.350	3.245.272.847	1.256.110.850
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.500.633.852	1.075.055.951	-	5.575.689.803
Thuế thu nhập cá nhân	1.102.658.450	151.725.693	107.725.263	1.146.658.880
Thuế tài nguyên	1.495.869.830	2.230.090.225	3.331.511.377	394.448.678
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.526.548.048	1.379.881.472	1.667.408.425	1.239.021.095
Cộng	10.781.032.527	7.182.814.691	8.351.917.912	9.611.929.306

5.12 Chi phí phải trả

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn	3.806.046.850	3.924.990.686
Chi phí lãi vay phải trả	1.207.046.850	1.325.990.686
Chi phí phát hành trái phiếu (*)	2.599.000.000	2.599.000.000
Cộng	3.806.046.850	3.924.990.686

(*) Theo Hợp đồng đại lý quản lý Tài sản bảo đảm số 01/HĐ-ĐLQLTS/21 ngày 15/10/2021 giữa Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.13 Phải trả khác

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	6.666.534.500	1.688.000.000
Bà Bùi Thị Thanh Huyền (1)	6.548.000.000	1.688.000.000
Bảo hiểm xã hội	95.013.000	-
Bảo hiểm y tế	16.069.500	-
Bảo hiểm thất nghiệp	7.452.000	-
Dài hạn	94.487.380.000	94.487.380.000
Ông Nguyễn Thăng Long (2)	94.487.380.000	94.487.380.000
Cộng	101.153.914.500	96.175.380.000

(1) Khoản mượn tiền bà Bùi Thị Thanh Huyền nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Hợp đồng mượn tiền số 01/2026/HĐMT/TTE-TH ngày 03/03/2026, với hạn mức tối đa là 15 tỷ VND, thời hạn 09 tháng.

(2) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2025/HTĐT/NTL-TTE ngày 25/12/2025 giữa ông Nguyễn Thăng Long và Công ty nhằm thực hiện các giao dịch đầu tư nhằm mục đích sinh lợi, tổng giá trị đầu tư là 103 tỷ VND. Chi tiết danh mục và hạng mục đầu tư cụ thể sẽ được các bên thỏa thuận theo các Phụ lục đính kèm hợp đồng tại từng thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

a. Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn

	30/06/2026	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Đơn vị tính: VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	22.500.000.000	4.700.000.000	22.300.000.000	40.100.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	22.500.000.000	4.700.000.000	22.300.000.000	40.100.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Kon Tum (1)	8.900.000.000	4.700.000.000	4.300.000.000	8.500.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Gia Định (2)	13.600.000.000	-	18.000.000.000	31.600.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14.900.000.000	-	4.700.000.000	19.600.000.000
Vay	14.900.000.000	-	4.700.000.000	19.600.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Kon Tum (1)	14.900.000.000	-	4.700.000.000	19.600.000.000
Cộng	37.400.000.000	4.700.000.000	27.000.000.000	59.700.000.000

(1) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD-TV ký ngày 28/12/2016, số tiền vay là 74 tỷ VND, thời hạn vay 144 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay là thanh toán chi phí mua lại toàn bộ Nhà máy thủy điện Tà Vi theo hợp đồng chuyển nhượng số 01/2016/HĐCN/NV-ĐN ngày 04/11/2016. Lãi suất vay thả nổi, được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Tài sản đảm bảo: Công trình Nhà máy thủy điện Tà Vi và các tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/HĐTCTS-TV ngày 28/12/2016 kèm các phụ lục hợp đồng sửa đổi, bổ sung khác. Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi là 6 tháng/lần.

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Gia Định theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 031-14/HĐTĐH/SĐBS-02 ngày 09/6/2023 và Hợp đồng mua, bán nợ số 01/2023/HĐMBN-OCB-DN ngày 08/6/2023 chuyển khoản vay từ Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB) - Chi nhánh Đà Nẵng (theo hợp đồng tín dụng số 031-14/HĐTDH ngày 31/12/2014) sang Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Gia Định. Giá trị khoản vay được chuyển giao tại thời điểm mua bán nợ là 93 tỷ VND. Thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng số 031-14/HĐTDH ngày 31/12/2014. Mục đích vay là tái tài trợ và sửa chữa Nhà máy thủy điện Đắk Ne. Lãi suất vay được điều chỉnh từng lần theo thông báo của ngân hàng. Tài sản đảm bảo: Nhà máy thủy điện Đắk Ne, các tài sản gắn liền với đất và quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện (Nhà máy thủy điện Đắk Ne) giữa Công ty và EVN. Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi là 1 tháng/lần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.14 Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)

b. Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường	30/06/2026				01/01/2026			
	Số lượng (TP)	Lãi suất (%)	Kỳ hạn (Tháng)	Giá trị (VND)	Số lượng (TP)	Lãi suất (%)	Kỳ hạn (Tháng)	Giá trị (VND)
a) Trái phiếu phát hành								
Phát hành theo mệnh giá				52.300.000.000				52.300.000.000
+ Mã TTEH2124001 (*)	523	11,00%	60	52.300.000.000	523	11,00%	60	52.300.000.000
Cộng				52.300.000.000				52.300.000.000

(*) Theo Hợp đồng dịch vụ đại lý phát hành trái phiếu riêng lẻ số 510/2021/HĐĐL/NSI-TTE ngày 05/10/2021 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh và Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia, theo báo cáo kết quả chào bán trái phiếu riêng lẻ số 27/2021/BC-TTE ngày 18/12/2021:

Tên trái phiếu: Trái phiếu Công ty cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (TTEH2124001); Mã trái phiếu: TTE12101; Số lượng trái phiếu chào bán: 2.500 trái phiếu; Số lượng trái phiếu phát hành thành công là 2.499 trái phiếu; Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 VND/trái phiếu; Kỳ hạn trái phiếu là 36 tháng kể từ ngày phát hành (ngày 19/10/2021) đến ngày đáo hạn (ngày 19/10/2024) với lãi suất danh nghĩa của trái phiếu thực tế phát hành là 11%/năm; Kỳ hạn trả lãi là 6 tháng/lần; Hình thức phát hành trái phiếu là chào bán riêng lẻ; Phương thức phát hành là đại lý phát hành; Loại chứng khoán là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và bảo đảm bằng tài sản; Tổ chức tư vấn, đại lý phát hành là Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia. Tài sản đảm bảo là 15 triệu cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt có giá trị là 442,5 tỷ VND. Đại lý quản lý tài khoản và tài sản đảm bảo là Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Đà Nẵng.

Mục đích phát hành trái phiếu là:

- Thực hiện hoạt động đầu tư của Công ty thông qua việc Công ty mua 38,4% cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang - Thành Bưởi với tổng giá trị là 52,8 tỷ VND;
- Thực hiện hoạt động đầu tư của Công ty thông qua việc Công ty mua 43% cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen với tổng giá trị là 77,4 tỷ VND;
- Thực hiện hoạt động đầu tư của Công ty thông qua việc Công ty mua 31,18% cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng với tổng giá trị là 85,8 tỷ VND;
- Thực hiện đầu tư vào Công ty TNHH Trung Việt với số tiền là 25,5 tỷ VND và tái cơ cấu khoản vay với số tiền là 8,5 tỷ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Số 507 Duy Tân, phường Đắk Cấm, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

b. Trái phiếu phát hành (Tiếp theo)

Đến thời điểm ngày 26/12/2025, Công ty đã thanh toán nợ gốc do trái phiếu mua lại trước hạn trong năm là 195,3 tỷ VND theo Nghị quyết số 58/2025/NQ-TTE ngày 15/10/2025 và Nghị quyết số 67/2025-NQ-TTE ngày 25/12/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc thông qua phương án mua lại trái phiếu trước hạn: Thông qua nội dung về điều chỉnh phương án sử dụng nguồn vốn trái phiếu đã phát hành (Mã trái phiếu: TTEH2124001) - Thoái toàn bộ vốn của Công ty tại Công ty cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng và Công ty cổ phần thủy điện Huổi Vang - Thành Bưởi; Nguồn tiền để thanh toán một phần gốc và lãi trái phiếu TTEH2124001 là số tiền thu về từ hoạt động thoái vốn Công ty liên kết và nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Sau khi mua lại, số dư nợ trái phiếu mới điều chỉnh là 52,3 tỷ VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG
TRƯỜNG THỊNH**

Số 507 Duy Tân, phường Đắk Cấm,
tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.15 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2025	284.904.000.000	32.187.286	(32.991.137.157)	251.945.050.129
Lãi trong năm trước	-	-	59.627.813.584	59.627.813.584
Số dư tại 01/01/2026	284.904.000.000	32.187.286	26.636.676.427	311.572.863.713
Lãi trong kỳ này	-	-	3.901.079.799	3.901.079.799
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(862.978.263)	(862.978.263)
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	862.978.263	(862.978.263)	-
Số dư tại 30/6/2026	284.904.000.000	895.165.549	28.811.799.700	314.610.965.249

(i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 05/2026/BB-ĐHĐCĐ ngày 30/05/2026 thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025: Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 862.978.263 VND; Trích quỹ đầu tư phát triển: 862.978.263 VND.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Bà Lê Thị Hạnh	22.889.000.000	22.889.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	262.015.000.000	262.015.000.000
Cộng	284.904.000.000	284.904.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	284.904.000.000	284.904.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	284.904.000.000	284.904.000.000

d. Cổ phiếu

	30/06/2026 Cổ phiếu	01/01/2026 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.490.400	28.490.400
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	28.490.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	28.490.400
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

5.16 Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ

Tài sản của Công ty sử dụng để cầm cố, thế chấp tại ngày 30/06/2026:

STT	Loại tài sản	Khoản mục	Nguyên giá VND	Giá trị còn lại VND	Đối tượng nhận thế chấp, cầm cố	Mục đích bảo đảm	Thời hạn
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tài sản cố định hữu hình	285.224.057.661	121.294.330.991	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Khoản vay dài hạn	Đến khi hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ được bảo đảm
2	Máy móc, thiết bị	Tài sản cố định hữu hình	81.436.892.459	15.024.354.774	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Khoản vay dài hạn	Đến khi hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ được bảo đảm
3	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tài sản cố định hữu hình	84.772.756.099	54.778.141.706	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Khoản vay dài hạn	Đến khi hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ được bảo đảm
4	Máy móc, thiết bị	Tài sản cố định hữu hình	17.227.243.901	8.432.194.707	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Khoản vay dài hạn	Đến khi hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ được bảo đảm

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG
TRƯỜNG THỊNH**

Số 507 Duy Tân, phường Đắk Cầm,
tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Nhà máy thủy điện Đắk Ne	22.362.910.143	23.477.965.368
Nhà máy thủy điện Tà Vi	4.960.221.909	8.104.894.848
Cộng	<u>27.323.132.052</u>	<u>31.582.860.216</u>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Nhà máy thủy điện Đắk Ne	8.822.096.728	9.296.181.173
Nhà máy thủy điện Tà Vi	3.463.198.093	3.875.549.266
Cộng	<u>12.285.294.821</u>	<u>13.171.730.439</u>

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.572.799	9.735.692
Cộng	<u>1.572.799</u>	<u>9.735.692</u>

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí đi vay	5.242.657.697	17.196.246.033
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	-	9.750.185.748
Cộng	<u>5.242.657.697</u>	<u>26.946.431.781</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG
TRƯỜNG THỊNH**

Số 507 Duy Tân, phường Đắk Cấm,
tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.722.708.836	1.437.334.903
Chi phí đồ dùng văn phòng	33.244.512	12.698.941
Thuế, phí và lệ phí	-	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	568.372.151	556.302.165
Chi phí khác bằng tiền	325.147.971	300.561.783
Cộng	4.649.473.470	2.310.897.792

6.6 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập khác	889	50.000.000
Cộng	889	50.000.000
Chi phí khác		
Phạt thuế và chậm nộp	163.971.687	98.957.723
Chi phí khác	7.172.315	10.147.965
Cộng	171.144.002	109.105.688
Lợi nhuận khác	(171.143.113)	(59.105.688)

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	371.474.377	1.609.246.275
Chi phí nhân công	6.066.017.778	3.900.646.914
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.610.886.513	8.500.246.395
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.383.861.238	929.160.954
Chi phí khác bằng tiền	502.528.385	543.327.693
Cộng	16.934.768.291	15.482.628.231

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG
TRƯỜNG THỊNH**

Số 507 Duy Tân, phường Đắk Cấm,
tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

6.8 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.976.135.750	(10.895.569.792)
Các khoản điều chỉnh tăng	399.144.002	337.105.688
Thu nhập thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành	228.000.000	228.000.000
Chi phí không được trừ khác	171.144.002	109.105.688
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	5.375.279.752	(10.558.464.104)
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.075.055.951	-

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty tại ngày 30/06/2026:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Trung Việt	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác	Lương và thù lao	1.250.693.259	631.906.900

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG
TRƯỜNG THỊNH**

Số 507 Duy Tân, phường Đăk Cầm,
tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Mẫu số B 09a-DN
Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

7.1 Thông tin với các bên liên quan (Tiếp theo)

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác (Tiếp theo)

Trong đó, chi tiết như sau:

		Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025
Họ và tên	Chức danh	VND	VND
Hội đồng Quản trị		109.000.000	120.000.000
Ông Phương Thừa Vũ	Chủ tịch	56.000.000	60.000.000
Bà Lê Thị Thu Hương	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 30/05/2026)	25.000.000	30.000.000
Ông Trần Văn Hải	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 30/05/2026)	25.000.000	30.000.000
Ông Trần Văn	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 30/05/2026)	3.000.000	-
Ban Kiểm soát		73.000.000	78.000.000
Ông Hoàng Minh Sang	Trưởng ban	38.000.000	42.000.000
Bà Lê Thị Hạnh	Thành viên	17.500.000	18.000.000
Bà Phạm Thị Ngân	Thành viên	17.500.000	18.000.000
Ban Tổng Giám đốc		814.893.259	373.906.900
Ông Đinh Xuân Hoàng	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 03/06/2026)	50.000.000	65.000.000
Ông Nguyễn Huy Cường	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 03/06/2026)	20.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Quân	Phó Tổng Giám đốc	303.902.413	70.000.000
Ông Lương Hồng Phong	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 19/01/2026)	305.738.246	-
Ông Hoàng Hữu Điền	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 08/05/2026)	135.252.600	238.906.900
Người quản lý khác		253.800.000	60.000.000
Ông Hoàng Việt Anh	Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ	253.800.000	30.000.000
Ông Tô Minh Quang	Nguyên Phó phòng Kiểm toán nội bộ	-	30.000.000
Tổng		1.250.693.259	631.906.900

b. Số dư với các bên liên quan

			30/06/2026	01/01/2026
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất số dư	VND	VND
Phải thu khác			1.212.158.275	708.658.755
Ông Hoàng Hữu Điền	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 08/05/2026)	Tạm ứng	70.785.721	70.785.721
Ông Nguyễn Văn Quân	Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	5.000.000	-
Ông Hồ Thanh Tiến	Nguyên phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	1.136.372.554	637.873.034

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

7.2 Thông tin khác

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 05/2026/BB-ĐHĐCĐ ngày 30/05/2026 thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ. Cụ thể:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán 15.000.000 cổ phiếu.
- Giá chào bán: 10.000 VND/cổ phiếu.
- Đối tượng chào bán: Nhà đầu tư chiến lược và/hoặc Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024. ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt đối tượng nhà đầu tư.
- Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư: Các tổ chức, cá nhân có năng lực tài chính, có khả năng đồng hành lâu dài, hỗ trợ Công ty trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh. ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư cụ thể.
- Số lượng nhà đầu tư chào bán dự kiến: Dưới 100 nhà đầu tư. ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt Danh sách và số lượng cổ phần chào bán cho từng nhà đầu tư.
- Mục đích chào bán: Số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu dự kiến sẽ được sử dụng để mua lại trước hạn trái phiếu đã phát hành của Công ty.
- Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu chào bán riêng lẻ sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp giao dịch, chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 31 Luật chứng khoán hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.
- Thời gian chào bán: Trong năm 2026

Đến thời điểm phát hành Báo cáo, Công ty chưa thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký chào bán cổ phiếu với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và chưa triển khai việc phân phối quyền mua.

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập

Vũ Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng

Hoàng Hữu Điền

Tổng Giám đốc



Nguyễn Huy Cường